TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2019/HNGĐ - ST
Ngày 17/12/2019
"V/v ly hôn giữa chị L
và anh M".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Thế Hanh
2. Ông Trương Đức Lâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1999
Địa chỉ thường trú: Thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
Nơi cư trú hiện nay: Thôn M Hưng, xã M Đức, huyện Việt Yên, Bắc Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Công M, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 28/6/2019, Bản tự khai ngày 07/8/2019, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Lê Công M kết hôn với nhau ngày ngày 22/02/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được 2 năm 5 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M khi ra ngoài làm ăn có quan hệ trai gái, không lo lắng cho vợ con. Từ đầu năm 2019 chị đã về nhà mẹ

đẻ và ly thân với anh M. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh M.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2019, bị đơn là anh Lê Công M thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị L đã trình bày. Vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì nhưng do anh thường đi làm ăn xa nhà nên chị L nghi ngờ anh có quan hệ chơi bời, trai gái. Từ đầu năm 2019, chị L đã về nhà mẹ đẻ ở, anh đã lên gọi nhiều lần nhưng chị L không quay về chung sống cùng anh. Nay anh xác định tình cản vợ chồng không còn nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Cả hai anh chị đều trình bày, vợ chồng có một con chung là Lê Công Gia Bảo, sinh ngày 28/9/2017, hiện đang được chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh, chị đều yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức, công nợ: Chị L và anh M đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, cả hai đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôn nay, nguyên đơn là chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là anh M cũng giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương có thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Công M; Giao con chung là Lê Công Gia Bảo cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do các đương sự không yêu cầu. Về án phí, chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Công M kết hôn với nhau tháng 02/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị chỉ chung sống với nhau thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L nghi ngờ anh M có quan hệ chơi bời ngoại tình, không chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm, không hoa hợp. Do không cải thiện được nên từ tháng 4/2019, chị L đã về nhà mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh M. Nay mặc dù anh M không nhất trí ly hôn nhưng anh M và gia đình không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị L vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh M.

[2]. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Lê Công Gia Bảo, sinh ngày 28/9/2017. Nay mặc dù cả hai anh chị đều yêu cầu được nuôi con nhưng xét con chung của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi, lại đang được chị L nuôi dưỡng, vì vậy, cần giao cho chị L được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ này không đặt ra đối với anh M cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Anh M được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản, công sức, công nợ: Cả hai anh chị đều xác định không có, không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị L không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Công M.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L nuôi con chung là Lê Công Gia Bảo, sinh ngày 28/9/2017. Anh Lê Công M không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L đến khi các đương sự có yêu cầu và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000250 ngày 07/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa (xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí).

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
THẨM
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- UBND xã Mai Đình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà